TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T,** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – H phúc**

Bản án số: 61/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2018
Về việc: *"Ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kiều Trinh.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Mai Thị Kim Hương.
Ông Phạm Văn Hải.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thị Mai Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa***: Bà Đoàn Thị Bé Hai – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án thụ lý số 149/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03/8/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Hồng H**, sinh năm 1992.
Địa chỉ: A ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Thành Đ**, sinh năm 1994.
Địa chỉ: B Ấp H, xã M, thành phố T, tỉnh Long An.

(Bà H có mặt, ông Đ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/5/2018 và các lời trình bày của bà Nguyễn Hồng H có nội dung:

Năm 2015, bà quen biết và kết hôn với ông Nguyễn Thành Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố T, tỉnh Long An. Bà và ông Đ chung sống

hạnh phúc một thời gian đến thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng mâu thuẫn về tình cảm, quan điểm, lối sống nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà đã về nhà mẹ ruột ở từ năm 2016 cho đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: bà và ông Đ có 01 con chung tên Nguyễn Thành T sinh ngày 28/02/2015. Bà H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, ông Nguyễn Thành Đ, đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tống Đ giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Đ không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, không có văn bản thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu ly hôn của bà H. Phiên tòa hôm nay, ông Đ cũng vắng mặt dù đã được tống Đ giấy báo hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ có đủ cơ sở nhận định quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không Đ được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

Về con chung: Bà H yêu cầu được nuôi dưỡng 01 con chung không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Do bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Hồng H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thành Đ có địa chỉ cư trú tại thành phố T nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn là ông Nguyễn Thành Đ: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập ông Đ đến các phiên tòa

sơ thẩm nhưng ông Đ không chấp hành nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Đ là đúng theo quy định tại Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hồng H và ông Nguyễn Thành Đ tự tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố T, tỉnh Long An năm 2015 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà H thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về tình cảm, quan điểm, lối sống nên thường hay cãi vã, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Ông Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, biết được việc bà H yêu cầu ly hôn với ông nhưng ông không có văn bản thể hiện ý kiến của ông là muốn được đoàn tụ hoặc đưa ra những biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà H. Như vậy, chứng tỏ rằng trong cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông Đ đã có những mâu thuẫn không giải quyết được. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: bà H và ông Đ có một (01) con chung tên Nguyễn Thành T sinh ngày 28/02/2015. Thấy rằng, con chung hiện đang sống với bà H, bà H có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, ông Đ không có ý kiến gì về con chung nên Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng để đảm bảo ổn định cuộc sống của con chung.

Bà H không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con, ông Đ cũng không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, không buộc ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Đ được quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì quyền lợi con chung ông Đ và bà H có quyền xin thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Hồng H, cho bà Nguyễn Hồng H ly hôn với ông Nguyễn Thành Đ.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thành T sinh ngày 28/02/2015 cho bà Nguyễn Hồng H tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Thành Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Thành Đ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì quyền lợi con chung, ông Nguyễn Thành Đ, bà Nguyễn Hồng H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Hồng H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0002107 ngày 24/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T thành án phí dân sự sơ thẩm, bà H đã nộp đủ.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. Tân An;
- Chi cục THA tp. Tân An;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Kiều Trinh